

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc Phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển;*

*Căn cứ Quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc công bố đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm tỉnh Quảng Ninh;*

*Căn cứ Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 294/TTr-TNMT ngày 29/7/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ninh.

\* Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ninh bao gồm: Ranh giới ngoài và ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển.

- Ranh giới ngoài của hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ninh là đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm đã được công bố tại Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

- Ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ninh là đường nối các điểm có tọa độ chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển của từng khu vực được ban hành kèm theo.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị,

địa phương có liên quan tổ chức công bố ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển trên các phương tiện thông tin đại chúng; triển khai thực hiện việc cấm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Móng Cái, Hải Hà, Tiên Yên, Vân Đồn, Cô Tô chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn nơi có hành lang bảo vệ bờ biển được thiết lập thực hiện niêm yết công khai bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn; phối hợp thực hiện việc cấm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn quản lý.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Giao thông Vận tải; Ban Quản lý khu kinh tế Quảng Ninh; Ban Quản lý khu kinh tế Vân Đồn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố: Móng Cái, Hải Hà, Tiên Yên, Vân Đồn, Cô Tô; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Thư*

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- CT, P1, P4;
- V0, V1, QH2, QLĐĐ1-3;
- Lưu VT, QLĐĐ1;
- 06 bản – QĐ76.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Signature]*  
**Phạm Văn Thành**

**PHỤ LỤC RANH GIỚI TRONG CỦA HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN  
TỈNH QUẢNG NINH**

(Kèm theo Quyết định số **2386** /QĐ-UBND ngày **24/8/2022** của UBND tỉnh)



| STT | Địa giới hành chính (Ký hiệu hành lang bảo vệ bờ biển) | Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển | Tọa độ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển<br>(Tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107°45’ múi chiều 3°) |         | Độ rộng hành lang (m) |
|-----|--------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------|
|     |                                                        |                                   | X                                                                                                  | Y       |                       |
| I   | Huyện Cô Tô                                            |                                   |                                                                                                    |         |                       |
| 1   | Thị trấn Cô Tô (CT1)                                   | CT.CT.QN-01                       | 500758                                                                                             | 2318010 | 100,24                |
| 2   |                                                        | CT.CT.QN-02                       | 500762                                                                                             | 2318030 | 87,82                 |
| 3   |                                                        | CT.CT.QN-03                       | 500770                                                                                             | 2318050 | 77,05                 |
| 4   |                                                        | CT.CT.QN-04                       | 500790                                                                                             | 2318100 | 99,48                 |
| 5   |                                                        | CT.CT.QN-05                       | 500810                                                                                             | 2318110 | 78,11                 |
| 6   |                                                        | CT.CT.QN-06                       | 500832                                                                                             | 2318130 | 74,85                 |
| 7   |                                                        | CT.CT.QN-07                       | 500853                                                                                             | 2318150 | 130,01                |
| 8   |                                                        | CT.CT.QN-08                       | 500932                                                                                             | 2318210 | 71,47                 |
| 9   |                                                        | CT.CT.QN-09                       | 500948                                                                                             | 2318230 | 75,66                 |
| 10  |                                                        | CT.CT.QN-10                       | 500968                                                                                             | 2318240 | 95,18                 |
| 11  |                                                        | CT.CT.QN-11                       | 500981                                                                                             | 2318240 | 99,13                 |
| 12  |                                                        | CT.CT.QN-12                       | 501014                                                                                             | 2318330 | 85,08                 |
| 13  |                                                        | CT.CT.QN-13                       | 501035                                                                                             | 2318350 | 64,97                 |
| 14  |                                                        | CT.CT.QN-14                       | 501043                                                                                             | 2318460 | 73,00                 |
| 15  |                                                        | CT.CT.QN-15                       | 501073                                                                                             | 2318510 | 77,13                 |
| 16  |                                                        | CT.CT.QN-16                       | 501143                                                                                             | 2318570 | 49,45                 |
| 17  |                                                        | CT.CT.QN-17                       | 501210                                                                                             | 2318660 | 46,88                 |
| 18  |                                                        | CT.CT.QN-18                       | 501246                                                                                             | 2318650 | 20,10                 |
| 19  |                                                        | CT.CT.QN-19                       | 501282                                                                                             | 2318720 | 45,18                 |
| 20  |                                                        | CT.CT.QN-20                       | 501335                                                                                             | 2318750 | 42,11                 |
| 21  |                                                        | CT.CT.QN-21                       | 501403                                                                                             | 2318740 | 32,59                 |
| 22  |                                                        | CT.CT.QN-22                       | 501468                                                                                             | 2318930 | 199,01                |
| 23  |                                                        | CT.CT.QN-23                       | 501710                                                                                             | 2319140 | 152,24                |
| 24  | Thị trấn                                               | CT.CT.QN-24                       | 500028                                                                                             | 2321520 | 152,61                |

|    |                           |             |        |         |         |
|----|---------------------------|-------------|--------|---------|---------|
| 25 | <b>Cô Tô (CT2)</b>        | CT.CT.QN-25 | 500155 | 2321440 | 151,05  |
| 26 |                           | CT.CT.QN-26 | 500217 | 2321390 | 153,18  |
| 27 |                           | CT.CT.QN-27 | 500292 | 2321290 | 122,36  |
| 28 |                           | CT.CT.QN-28 | 500429 | 2321090 | 66,18   |
| 29 |                           | CT.CT.QN-29 | 500514 | 2321000 | 60,38   |
| 30 |                           | CT.CT.QN-30 | 500591 | 2320950 | 77,10   |
| 31 |                           | CT.CT.QN-31 | 500678 | 2320860 | 100,26  |
| 32 |                           | CT.CT.QN-32 | 500956 | 2320520 | 84,72   |
| 33 |                           | CT.CT.QN-33 | 501053 | 2320360 | 100,11  |
| 34 |                           | CT.CT.QN-34 | 501185 | 2320140 | 123,73  |
| 35 |                           | CT.CT.QN-35 | 501112 | 2320080 | 37,03   |
| 36 |                           | CT.CT.QN-36 | 501187 | 2319870 | 50,27   |
| 37 |                           | CT.CT.QN-37 | 501145 | 2319870 | 9,19    |
| 38 |                           | CT.CT.QN-38 | 501183 | 2319700 | 15,95   |
| 39 |                           | CT.CT.QN-39 | 501188 | 2319650 | 11,29   |
| 40 |                           | CT.CT.QN-40 | 501191 | 2319610 | 12,06   |
| 41 |                           | CT.CT.QN-41 | 501193 | 2319560 | 12,61   |
| 42 |                           | CT.CT.QN-42 | 501193 | 2319530 | 12,93   |
| 43 |                           | CT.CT.QN-43 | 501185 | 2319500 | 12,85   |
| 44 |                           | CT.CT.QN-44 | 501178 | 2319450 | 23,54   |
| 45 | <b>Xã Đồng Tiến (CT3)</b> | ĐT.CT.QN-01 | 503080 | 2321890 | 78,03   |
| 46 |                           | ĐT.CT.QN-02 | 502983 | 2321910 | 56,37   |
| 47 |                           | ĐT.CT.QN-03 | 502912 | 2321950 | 63,04   |
| 48 |                           | ĐT.CT.QN-04 | 502726 | 2322130 | 62,04   |
| 49 |                           | ĐT.CT.QN-05 | 502457 | 2322330 | 74,42   |
| 50 |                           | ĐT.CT.QN-06 | 502258 | 2322560 | 51,76   |
| 51 |                           | ĐT.CT.QN-07 | 501902 | 2322930 | 56,4359 |
| 52 |                           | ĐT.CT.QN-08 | 501697 | 2323040 | 149,231 |
| 53 |                           | ĐT.CT.QN-09 | 501134 | 2323740 | 140,268 |
| 54 |                           | ĐT.CT.QN-10 | 500941 | 2323950 | 102,332 |
| 55 |                           | ĐT.CT.QN-11 | 500906 | 2324060 | 130,406 |
| 56 |                           | ĐT.CT.QN-12 | 500903 | 2324160 | 84,3133 |
| 57 |                           | ĐT.CT.QN-13 | 500822 | 2324310 | 65,2965 |
| 58 |                           | ĐT.CT.QN-14 | 500791 | 2324310 | 95,4227 |
| 59 |                           | ĐT.CT.QN-15 | 500771 | 2324280 | 124,912 |



|    |                               |             |        |         |         |
|----|-------------------------------|-------------|--------|---------|---------|
| 60 | <b>Xã Đồng Tiến<br/>(CT5)</b> | ĐT.CT.QN-16 | 500720 | 2324390 | 193,202 |
| 61 |                               | ĐT.CT.QN-17 | 500726 | 2324430 | 163,657 |
| 62 |                               | ĐT.CT.QN-18 | 500363 | 2328650 | 19,02   |
| 63 |                               | ĐT.CT.QN-19 | 500355 | 2328650 | 12,66   |
| 64 |                               | ĐT.CT.QN-20 | 500356 | 2328630 | 13,01   |
| 65 |                               | ĐT.CT.QN-21 | 500355 | 2328590 | 11,25   |
| 66 |                               | ĐT.CT.QN-22 | 500353 | 2328530 | 12,44   |
| 67 |                               | ĐT.CT.QN-23 | 500321 | 2328460 | 8,31    |
| 68 |                               | ĐT.CT.QN-24 | 500286 | 2328430 | 15,75   |
| 69 |                               | ĐT.CT.QN-25 | 500268 | 2328380 | 11,24   |
| 70 |                               | ĐT.CT.QN-26 | 500258 | 2328360 | 7,46    |
| 71 |                               | ĐT.CT.QN-27 | 500248 | 2328350 | 6,94    |
| 72 |                               | ĐT.CT.QN-28 | 500240 | 2328340 | 8,04    |
| 73 |                               | ĐT.CT.QN-29 | 500228 | 2328330 | 10,96   |
| 74 |                               | ĐT.CT.QN-30 | 500071 | 2328290 | 18,02   |
| 75 |                               | ĐT.CT.QN-31 | 500054 | 2328280 | 14      |
| 76 |                               | ĐT.CT.QN-32 | 500044 | 2328280 | 4,16    |
| 77 |                               | ĐT.CT.QN-33 | 500044 | 2328270 | 2,52    |
| 78 |                               | ĐT.CT.QN-34 | 500045 | 2328270 | 2,33    |
| 79 |                               | ĐT.CT.QN-35 | 500048 | 2328260 | 1,45    |
| 80 |                               | ĐT.CT.QN-36 | 500057 | 2328250 | 2,27    |
| 81 |                               | ĐT.CT.QN-37 | 500072 | 2328250 | 2,57    |
| 82 |                               | ĐT.CT.QN-38 | 500101 | 2328240 | 2,64    |
| 83 |                               | ĐT.CT.QN-39 | 500133 | 2328230 | 2,77    |
| 84 |                               | ĐT.CT.QN-40 | 500161 | 2328230 | 2,75    |
| 85 |                               | ĐT.CT.QN-41 | 500194 | 2328240 | 2,38    |
| 86 |                               | ĐT.CT.QN-42 | 500215 | 2328250 | 2,31    |
| 87 |                               | ĐT.CT.QN-43 | 500237 | 2328260 | 2,43    |
| 88 |                               | ĐT.CT.QN-44 | 500253 | 2328270 | 2,72    |
| 89 |                               | ĐT.CT.QN-45 | 500259 | 2328280 | 7,01    |
| 90 |                               | ĐT.CT.QN-46 | 500280 | 2328300 | 18,68   |
| 91 |                               | ĐT.CT.QN-47 | 500297 | 2328340 | 0,68    |
| 92 |                               | ĐT.CT.QN-48 | 500304 | 2328370 | 0,89    |
| 93 |                               | ĐT.CT.QN-49 | 500308 | 2328380 | 1,59    |
| 94 |                               | ĐT.CT.QN-50 | 500317 | 2328390 | 1,77    |

|     |                          |             |        |         |       |
|-----|--------------------------|-------------|--------|---------|-------|
| 95  | Xã<br>Thanh Lân<br>(CT4) | ĐT.CT.QN-51 | 500333 | 2328410 | 1,85  |
| 96  |                          | ĐT.CT.QN-52 | 500349 | 2328430 | 2,46  |
| 97  |                          | ĐT.CT.QN-53 | 500371 | 2328440 | 2,6   |
| 98  |                          | ĐT.CT.QN-54 | 500391 | 2328450 | 2,62  |
| 99  |                          | ĐT.CT.QN-55 | 500414 | 2328450 | 2,31  |
| 100 |                          | ĐT.CT.QN-56 | 500426 | 2328460 | 1,7   |
| 101 |                          | ĐT.CT.QN-57 | 500433 | 2328470 | 1,07  |
| 102 |                          | ĐT.CT.QN-58 | 500440 | 2328490 | 1,34  |
| 103 |                          | ĐT.CT.QN-59 | 500451 | 2328510 | 1,48  |
| 104 |                          | ĐT.CT.QN-60 | 500461 | 2328520 | 0,56  |
| 105 |                          | ĐT.CT.QN-61 | 500462 | 2328530 | 0,6   |
| 106 |                          | ĐT.CT.QN-62 | 500462 | 2328550 | 0,68  |
| 107 |                          | ĐT.CT.QN-63 | 500461 | 2328560 | 0,96  |
| 108 |                          | ĐT.CT.QN-64 | 500464 | 2328570 | 1,42  |
| 109 |                          | ĐT.CT.QN-65 | 500469 | 2328580 | 1,12  |
| 110 |                          | ĐT.CT.QN-66 | 500472 | 2328590 | 2,67  |
| 111 |                          | ĐT.CT.QN-67 | 500472 | 2328610 | 4,31  |
| 112 |                          | ĐT.CT.QN-68 | 500466 | 2328630 | 8,72  |
| 113 |                          | ĐT.CT.QN-69 | 500462 | 2328630 | 12,13 |
| 114 |                          | ĐT.CT.QN-70 | 500456 | 2328630 | 7,87  |
| 115 |                          | ĐT.CT.QN-71 | 500441 | 2328640 | 4,78  |
| 116 | Xã<br>Thanh Lân<br>(CT4) | ĐT.CT.QN-72 | 500425 | 2328650 | 5,18  |
| 117 |                          | ĐT.CT.QN-73 | 500398 | 2328670 | 10,44 |
| 118 |                          | TL.CT.QN-01 | 507120 | 2321450 | 108   |
| 119 |                          | TL.CT.QN-02 | 507051 | 2321440 | 89,1  |
| 120 |                          | TL.CT.QN-03 | 506987 | 2321450 | 89,9  |
| 121 |                          | TL.CT.QN-04 | 506926 | 2321490 | 89,8  |
| 122 |                          | TL.CT.QN-05 | 506890 | 2321540 | 93,7  |
| 123 |                          | TL.CT.QN-06 | 506857 | 2321630 | 99,6  |
| 124 |                          | TL.CT.QN-07 | 506846 | 2321710 | 106,6 |
| 125 |                          | TL.CT.QN-08 | 506838 | 2321760 | 117,7 |
| 126 |                          | TL.CT.QN-09 | 506850 | 2321880 | 115,4 |
| 127 |                          | TL.CT.QN-10 | 506875 | 2322000 | 114,5 |
| 128 |                          | TL.CT.QN-11 | 506914 | 2322110 | 104   |
| 129 |                          | TL.CT.QN-12 | 506969 | 2322240 | 124,8 |

|           |                                                                                   |             |        |         |       |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|---------|-------|
| 130       |  | TL.CT.QN-13 | 507041 | 2322360 | 137,2 |
| 131       |                                                                                   | TL.CT.QN-14 | 507099 | 2322460 | 104,4 |
| 132       |                                                                                   | TL.CT.QN-15 | 507128 | 2322480 | 114,2 |
| 133       |                                                                                   | TL.CT.QN-16 | 507147 | 2322500 | 107,8 |
| 134       |                                                                                   | TL.CT.QN-17 | 507159 | 2322440 | 58,7  |
| 135       |                                                                                   | TL.CT.QN-18 | 507380 | 2322510 | 55,5  |
| 136       |                                                                                   | TL.CT.QN-19 | 507512 | 2322550 | 116   |
| 137       |                                                                                   | TL.CT.QN-20 | 507549 | 2322530 | 99    |
| 138       |                                                                                   | TL.CT.QN-21 | 520965 | 2348900 | 16,94 |
| 139       |                                                                                   | TL.CT.QN-22 | 520988 | 2348920 | 26,03 |
| 140       | <b>Xã Thanh Lân (CT6)</b>                                                         | TL.CT.QN-23 | 521021 | 2348930 | 26,18 |
| 141       |                                                                                   | TL.CT.QN-24 | 521070 | 2348930 | 25,21 |
| 142       |                                                                                   | TL.CT.QN-25 | 521093 | 2348920 | 25,11 |
| 143       |                                                                                   | TL.CT.QN-26 | 521126 | 2348900 | 29,29 |
| 144       |                                                                                   | TL.CT.QN-27 | 521168 | 2348870 | 32,01 |
| 145       |                                                                                   | TL.CT.QN-28 | 521195 | 2348830 | 23,79 |
| 146       |                                                                                   | TL.CT.QN-29 | 521212 | 2348790 | 22,76 |
| 147       |                                                                                   | TL.CT.QN-30 | 521207 | 2348760 | 16,14 |
| 148       |                                                                                   | TL.CT.QN-31 | 521201 | 2348740 | 25    |
| 149       |                                                                                   | TL.CT.QN-32 | 521182 | 2348720 | 18,91 |
| 150       |                                                                                   | TL.CT.QN-33 | 521167 | 2348710 | 17,02 |
| <b>II</b> | <b>Huyện Hải Hà</b>                                                               |             |        |         |       |
| 151       | <b>Xã Cái Chiên (HH1)</b>                                                         | CC.HH.QN-01 | 501461 | 2358440 | 31,01 |
| 152       |                                                                                   | CC.HH.QN-02 | 501548 | 2358450 | 5,9   |
| 153       |                                                                                   | CC.HH.QN-03 | 501572 | 2358460 | 16,34 |
| 154       |                                                                                   | CC.HH.QN-04 | 501581 | 2358480 | 5,39  |
| 155       |                                                                                   | CC.HH.QN-05 | 501629 | 2358530 | 7,09  |
| 156       |                                                                                   | CC.HH.QN-06 | 501649 | 2358550 | 4,82  |
| 157       |                                                                                   | CC.HH.QN-07 | 501668 | 2358580 | 12,01 |
| 158       |                                                                                   | CC.HH.QN-08 | 501691 | 2358610 | 4,19  |
| 159       |                                                                                   | CC.HH.QN-09 | 501712 | 2358630 | 4,34  |
| 160       |                                                                                   | CC.HH.QN-10 | 501727 | 2358650 | 4,43  |
| 161       |                                                                                   | CC.HH.QN-11 | 501737 | 2358660 | 5,42  |
| 162       |                                                                                   | CC.HH.QN-12 | 501729 | 2358670 | 20,21 |
| 163       |                                                                                   | CC.HH.QN-13 | 501782 | 2358710 | 17,33 |

|            |                                     |             |        |         |       |
|------------|-------------------------------------|-------------|--------|---------|-------|
| 164        |                                     | CC.HH.QN-14 | 501787 | 2358710 | 15,77 |
| 165        |                                     | CC.HH.QN-15 | 501801 | 2358730 | 23,91 |
| 166        |                                     | CC.HH.QN-16 | 501808 | 2358730 | 23,75 |
| 167        |                                     | CC.HH.QN-17 | 501816 | 2358730 | 23,2  |
| 168        |                                     | CC.HH.QN-18 | 501829 | 2358730 | 14,48 |
| 169        |                                     | CC.HH.QN-19 | 501837 | 2358720 | 6,08  |
| 170        |                                     | CC.HH.QN-20 | 501845 | 2358720 | 5,27  |
| 171        |                                     | CC.HH.QN-21 | 501846 | 2358730 | 9,07  |
| 172        |                                     | CC.HH.QN-22 | 501850 | 2358730 | 12,69 |
| 173        |                                     | CC.HH.QN-23 | 501864 | 2358730 | 13,28 |
| 174        |                                     | CC.HH.QN-24 | 501867 | 2358730 | 7,16  |
| 175        |                                     | CC.HH.QN-25 | 501875 | 2358720 | 6,26  |
| 176        |                                     | CC.HH.QN-26 | 501889 | 2358730 | 12,01 |
| 177        |                                     | CC.HH.QN-27 | 501899 | 2358720 | 9,33  |
| 178        |                                     | CC.HH.QN-28 | 501909 | 2358710 | 1,98  |
| 179        | <b>Xã<br/>Quảng Phong<br/>(HH2)</b> | QP.HH.QN-01 | 496467 | 2368480 | 28    |
| 180        |                                     | QP.HH.QN-02 | 496483 | 2368470 | 32,4  |
| 181        |                                     | QP.HH.QN-03 | 496516 | 2368470 | 56,38 |
| 182        |                                     | QP.HH.QN-04 | 496555 | 2368450 | 61,01 |
| 183        |                                     | QP.HH.QN-05 | 496560 | 2368430 | 54,2  |
| 184        |                                     | QP.HH.QN-06 | 496600 | 2368400 | 40,02 |
| <b>III</b> | <b>Thành phố Móng Cái</b>           |             |        |         |       |
| 185        | <b>Phường<br/>Trà Cổ<br/>(MC1)</b>  | TC.MC.QN-01 | 506666 | 2376690 | 65    |
| 186        |                                     | TC.MC.QN-02 | 506729 | 2376650 | 60    |
| 187        |                                     | TC.MC.QN-03 | 506860 | 2376570 | 57    |
| 188        |                                     | TC.MC.QN-04 | 506987 | 2376590 | 102   |
| 189        |                                     | TC.MC.QN-05 | 507134 | 2376590 | 124   |
| 190        |                                     | TC.MC.QN-06 | 507294 | 2376600 | 145   |
| 191        |                                     | TC.MC.QN-07 | 507468 | 2376570 | 90    |
| 192        |                                     | TC.MC.QN-08 | 507584 | 2376630 | 136   |
| 193        |                                     | TC.MC.QN-09 | 507691 | 2376640 | 137   |
| 194        |                                     | TC.MC.QN-10 | 507799 | 2376640 | 129   |
| 195        |                                     | TC.MC.QN-11 | 507830 | 2376670 | 151   |
| 196        |                                     | TC.MC.QN-12 | 507886 | 2376740 | 212   |
| 197        |                                     | TC.MC.QN-13 | 507948 | 2376780 | 246   |



|     |                                    |             |        |         |      |
|-----|------------------------------------|-------------|--------|---------|------|
| 198 | <b>Phường<br/>Trà Cú<br/>(MC2)</b> | TC.MC.QN-14 | 508008 | 2376800 | 260  |
| 199 |                                    | TC.MC.QN-15 | 508066 | 2376770 | 221  |
| 200 |                                    | TC.MC.QN-16 | 508124 | 2376720 | 170  |
| 201 |                                    | TC.MC.QN-17 | 508173 | 2376720 | 162  |
| 202 |                                    | TC.MC.QN-18 | 508216 | 2376760 | 198  |
| 203 |                                    | TC.MC.QN-19 | 508526 | 2376780 | 155  |
| 204 |                                    | TC.MC.QN-20 | 508608 | 2376810 | 167  |
| 205 |                                    | TC.MC.QN-21 | 508703 | 2376860 | 172  |
| 206 |                                    | TC.MC.QN-22 | 503174 | 2376920 | 83,1 |
| 207 |                                    | TC.MC.QN-23 | 502927 | 2376820 | 57,6 |
| 208 |                                    | TC.MC.QN-24 | 502906 | 2376870 | 2,7  |
| 209 |                                    | TC.MC.QN-25 | 502766 | 2376830 | 3,1  |
| 210 |                                    | TC.MC.QN-26 | 502743 | 2376770 | 19,6 |
| 211 |                                    | TC.MC.QN-27 | 502664 | 2376730 | 16,9 |
| 212 |                                    | TC.MC.QN-28 | 502546 | 2376670 | 18,3 |
| 213 |                                    | TC.MC.QN-29 | 502481 | 2376640 | 14,7 |
| 214 |                                    | TC.MC.QN-30 | 502421 | 2376620 | 17,3 |
| 215 |                                    | TC.MC.QN-31 | 502362 | 2376600 | 16,6 |
| 216 |                                    | TC.MC.QN-32 | 502312 | 2376580 | 12,2 |
| 217 |                                    | TC.MC.QN-33 | 502286 | 2376560 | 13,3 |
| 218 |                                    | TC.MC.QN-34 | 502215 | 2376520 | 12,6 |
| 219 |                                    | TC.MC.QN-35 | 502098 | 2376450 | 10,8 |
| 220 |                                    | TC.MC.QN-36 | 501988 | 2376390 | 59,2 |
| 221 |                                    | TC.MC.QN-37 | 501862 | 2376490 | 37,9 |
| 222 |                                    | TC.MC.QN-38 | 501795 | 2376560 | 1,5  |
| 223 |                                    | TC.MC.QN-39 | 501810 | 2376580 | 83,1 |
| 224 |                                    | TC.MC.QN-40 | 501746 | 2376630 | 26,4 |
| 225 |                                    | TC.MC.QN-41 | 501706 | 2376620 | 0,8  |
| 226 |                                    | TC.MC.QN-42 | 501697 | 2376620 | 36,5 |
| 227 |                                    | TC.MC.QN-43 | 501658 | 2376650 | 36,1 |
| 228 |                                    | TC.MC.QN-44 | 501629 | 2376670 | 31,4 |
| 229 |                                    | TC.MC.QN-45 | 501546 | 2376710 | 24   |
| 230 |                                    | TC.MC.QN-46 | 501436 | 2376750 | 19,4 |
| 231 |                                    | TC.MC.QN-47 | 501360 | 2376780 | 7,4  |
| 232 |                                    | TC.MC.QN-48 | 501339 | 2376800 | 15   |

|           |                                   |             |        |         |         |
|-----------|-----------------------------------|-------------|--------|---------|---------|
| 233       |                                   | TC.MC.QN-49 | 501337 | 2376800 | 11,3    |
| 234       |                                   | TC.MC.QN-50 | 501254 | 2376850 | 11,4    |
| 235       |                                   | TC.MC.QN-51 | 501057 | 2376740 | 4,5     |
| 236       |                                   | TC.MC.QN-52 | 501052 | 2376880 | 182,4   |
| 237       |                                   | TC.MC.QN-53 | 501010 | 2377070 | 68,4    |
| 238       |                                   | TC.MC.QN-54 | 500969 | 2377420 | 10      |
| 239       |                                   | TC.MC.QN-55 | 500943 | 2377630 | 27,9    |
| 240       |                                   | TC.MC.QN-56 | 500928 | 2377830 | 7,7     |
| 241       |                                   | TC.MC.QN-57 | 501850 | 2378110 | 52,6    |
| 242       | <b>Xã<br/>Vĩnh Thực<br/>(MC3)</b> | VT.MC.QN-01 | 520611 | 2362950 | 112,001 |
| 243       |                                   | VT.MC.QN-02 | 520658 | 2363100 | 133,234 |
| 244       |                                   | VT.MC.QN-03 | 520772 | 2363280 | 114,089 |
| 245       |                                   | VT.MC.QN-04 | 520770 | 2363350 | 146,002 |
| 246       |                                   | VT.MC.QN-05 | 520944 | 2363530 | 98,8357 |
| 247       |                                   | VT.MC.QN-06 | 521203 | 2363900 | 65,0087 |
| 248       | <b>Xã<br/>Vĩnh Thực<br/>(MC4)</b> | VT.MC.QN-07 | 525525 | 2366301 | 120,67  |
| 249       |                                   | VT.MC.QN-08 | 525524 | 2366409 | 72,84   |
| 250       |                                   | VT.MC.QN-09 | 525544 | 2366623 | 122,35  |
| 251       |                                   | VT.MC.QN-10 | 525585 | 2366710 | 129,32  |
| 252       |                                   | VT.MC.QN-11 | 525657 | 2366786 | 127,11  |
| 253       |                                   | VT.MC.QN-12 | 525747 | 2366824 | 119,26  |
| 254       |                                   | VT.MC.QN-13 | 525796 | 2366823 | 97,98   |
| <b>IV</b> | <b>Huyện Tiên Yên</b>             |             |        |         |         |
| 255       | <b>Xã Đồng Rui<br/>(TY1)</b>      | ĐR.TY.QN-1  | 462388 | 2350215 | 5,13    |
| 256       |                                   | ĐR.TY.QN-2  | 462620 | 2350313 | 45,43   |
| 257       |                                   | ĐR.TY.QN-3  | 462792 | 2350265 | 30,61   |
| 258       |                                   | ĐR.TY.QN-4  | 463080 | 2350033 | 35,84   |
| 259       |                                   | ĐR.TY.QN-5  | 462522 | 2349505 | 23,60   |
| 260       |                                   | ĐR.TY.QN-6  | 462521 | 2349029 | 16,08   |
| 261       |                                   | ĐR.TY.QN-7  | 462978 | 2349203 | 5,59    |
| 262       |                                   | ĐR.TY.QN-8  | 463331 | 2349239 | 5,55    |
| 263       |                                   | ĐR.TY.QN-9  | 463740 | 2349599 | 6,67    |
| 264       |                                   | ĐR.TY.QN-10 | 463888 | 2349402 | 6,05    |
| 265       |                                   | ĐR.TY.QN-11 | 464102 | 2349445 | 3,17    |
| 266       |                                   | ĐR.TY.QN-12 | 464319 | 2349596 | 5,27    |



|     |             |        |         |       |
|-----|-------------|--------|---------|-------|
| 267 | ĐR.TY.QN-13 | 464459 | 2349435 | 11,21 |
| 268 | ĐR.TY.QN-14 | 464522 | 2349242 | 17,64 |
| 269 | ĐR.TY.QN-15 | 464633 | 2348777 | 8,13  |
| 270 | ĐR.TY.QN-16 | 465072 | 2348189 | 12,98 |
| 271 | ĐR.TY.QN-17 | 464753 | 2348015 | 9,91  |
| 272 | ĐR.TY.QN-18 | 464347 | 2348091 | 5,14  |
| 273 | ĐR.TY.QN-19 | 464254 | 2347808 | 5,49  |
| 274 | ĐR.TY.QN-20 | 463874 | 2347382 | 5,50  |
| 275 | ĐR.TY.QN-21 | 463592 | 2347407 | 7,13  |
| 276 | ĐR.TY.QN-22 | 463378 | 2347703 | 7,73  |
| 277 | ĐR.TY.QN-23 | 463143 | 2347804 | 29,84 |
| 278 | ĐR.TY.QN-24 | 462847 | 2347524 | 14,59 |
| 279 | ĐR.TY.QN-25 | 463043 | 2347374 | 5,13  |
| 280 | ĐR.TY.QN-26 | 462885 | 2347322 | 14,02 |
| 281 | ĐR.TY.QN-27 | 462857 | 2347251 | 20,59 |
| 282 | ĐR.TY.QN-28 | 462915 | 2346969 | 7,20  |
| 283 | ĐR.TY.QN-29 | 462574 | 2347235 | 4,31  |
| 284 | ĐR.TY.QN-30 | 462401 | 2347032 | 27,62 |
| 285 | ĐR.TY.QN-31 | 462382 | 2346807 | 55,13 |
| 286 | ĐR.TY.QN-32 | 462299 | 2346589 | 7,87  |
| 287 | ĐR.TY.QN-33 | 462241 | 2346172 | 9,02  |
| 288 | ĐR.TY.QN-34 | 462389 | 2346031 | 12,10 |
| 289 | ĐR.TY.QN-35 | 462344 | 2345853 | 8,55  |
| 290 | ĐR.TY.QN-36 | 462415 | 2345776 | 59,53 |
| 291 | ĐR.TY.QN-37 | 462298 | 2345366 | 4,43  |
| 292 | ĐR.TY.QN-38 | 462115 | 2345355 | 11,77 |
| 293 | ĐR.TY.QN-39 | 462172 | 2345257 | 12,83 |
| 294 | ĐR.TY.QN-40 | 462320 | 2345163 | 7,03  |
| 295 | ĐR.TY.QN-41 | 462437 | 2344743 | 10,10 |
| 296 | ĐR.TY.QN-42 | 462518 | 2344498 | 10,71 |
| 297 | ĐR.TY.QN-43 | 462244 | 2344507 | 8,13  |
| 298 | ĐR.TY.QN-44 | 462075 | 2344505 | 20,47 |
| 299 | ĐR.TY.QN-45 | 461996 | 2344620 | 1,06  |
| 300 | ĐR.TY.QN-46 | 461855 | 2344663 | 7,29  |
| 301 | ĐR.TY.QN-47 | 461781 | 2344612 | 33,09 |

|     |  |             |        |         |       |
|-----|--|-------------|--------|---------|-------|
| 302 |  | ĐR.TY.QN-48 | 461652 | 2344708 | 3,35  |
| 303 |  | ĐR.TY.QN-49 | 461668 | 2344911 | 7,46  |
| 304 |  | ĐR.TY.QN-50 | 461584 | 2345274 | 3,77  |
| 305 |  | ĐR.TY.QN-51 | 461445 | 2345251 | 8,33  |
| 306 |  | ĐR.TY.QN-52 | 461388 | 2345090 | 8,10  |
| 307 |  | ĐR.TY.QN-53 | 461284 | 2345111 | 5,64  |
| 308 |  | ĐR.TY.QN-54 | 461257 | 2345008 | 4,87  |
| 309 |  | ĐR.TY.QN-55 | 460923 | 2345274 | 3,65  |
| 310 |  | ĐR.TY.QN-56 | 460765 | 2345373 | 5,00  |
| 311 |  | ĐR.TY.QN-57 | 460863 | 2345523 | 11,95 |
| 312 |  | ĐR.TY.QN-58 | 460666 | 2345547 | 13,55 |
| 313 |  | ĐR.TY.QN-59 | 460668 | 2345693 | 3,57  |
| 314 |  | ĐR.TY.QN-60 | 460757 | 2345713 | 5,80  |
| 315 |  | ĐR.TY.QN-61 | 460656 | 2345766 | 11,65 |
| 316 |  | ĐR.TY.QN-62 | 460686 | 2345870 | 1,97  |
| 317 |  | ĐR.TY.QN-63 | 460607 | 2345915 | 6,33  |
| 318 |  | ĐR.TY.QN-64 | 460654 | 2346028 | 4,62  |
| 319 |  | ĐR.TY.QN-65 | 460765 | 2346117 | 12,19 |
| 320 |  | ĐR.TY.QN-66 | 460842 | 2346057 | 10,02 |
| 321 |  | ĐR.TY.QN-67 | 460860 | 2346267 | 8,95  |
| 322 |  | ĐR.TY.QN-68 | 460866 | 2346398 | 3,75  |
| 323 |  | ĐR.TY.QN-69 | 460846 | 2346450 | 5,35  |
| 324 |  | ĐR.TY.QN-70 | 460731 | 2346534 | 3,64  |
| 325 |  | ĐR.TY.QN-71 | 460821 | 2346683 | 8,76  |
| 326 |  | ĐR.TY.QN-72 | 461113 | 2346500 | 7,93  |
| 327 |  | ĐR.TY.QN-73 | 461210 | 2346776 | 4,91  |
| 328 |  | ĐR.TY.QN-74 | 461139 | 2346819 | 12,20 |
| 329 |  | ĐR.TY.QN-75 | 461122 | 2347213 | 4,34  |
| 330 |  | ĐR.TY.QN-76 | 461182 | 2347238 | 4,97  |
| 331 |  | ĐR.TY.QN-77 | 461197 | 2347315 | 17,91 |
| 332 |  | ĐR.TY.QN-78 | 461307 | 2347306 | 5,54  |
| 333 |  | ĐR.TY.QN-79 | 461602 | 2348447 | 8,33  |
| 334 |  | ĐR.TY.QN-80 | 461773 | 2348639 | 1,89  |
| 335 |  | ĐR.TY.QN-81 | 461722 | 2348750 | 1,13  |
| 336 |  | ĐR.TY.QN-82 | 461993 | 2348927 | 1,28  |



|          |                                   |             |        |         |       |
|----------|-----------------------------------|-------------|--------|---------|-------|
| 337      |                                   | ĐR.TY.QN-83 | 461842 | 2348914 | 1,83  |
| 338      |                                   | ĐR.TY.QN-84 | 461708 | 2348971 | 2,33  |
| 339      |                                   | ĐR.TY.QN-85 | 461907 | 2349215 | 2,98  |
| 340      |                                   | ĐR.TY.QN-86 | 461872 | 2349324 | 3,07  |
| 341      |                                   | ĐR.TY.QN-87 | 462013 | 2349383 | 4,69  |
| 342      |                                   | ĐR.TY.QN-88 | 462034 | 2349447 | 3,16  |
| 343      |                                   | ĐR.TY.QN-89 | 462138 | 2349444 | 6,04  |
| 344      |                                   | ĐR.TY.QN-90 | 462374 | 2350132 | 2,71  |
| 345      | <b>Xã Đông Hải<br/>(TY2)</b>      | ĐH.TY.QN-01 | 473665 | 2356272 | 44,85 |
| 346      |                                   | ĐH.TY.QN-02 | 473851 | 2356165 | 33,46 |
| 347      |                                   | ĐH.TY.QN-03 | 473868 | 2356166 | 29,85 |
| 348      |                                   | ĐH.TY.QN-04 | 473875 | 2356176 | 36,60 |
| 349      |                                   | ĐH.TY.QN-05 | 473921 | 2356199 | 42,49 |
| 350      |                                   | ĐH.TY.QN-06 | 473977 | 2356212 | 35,93 |
| 351      |                                   | ĐH.TY.QN-07 | 474025 | 2356226 | 29,31 |
| <b>V</b> | <b>Huyện Vân Đồn</b>              |             |        |         |       |
| 352      | <b>Xã<br/>Minh Châu<br/>(VĐ1)</b> | MC.VĐ.QN-01 | 479539 | 2318788 | 60,87 |
| 353      |                                   | MC.VĐ.QN-02 | 479294 | 2318306 | 18,32 |
| 354      |                                   | MC.VĐ.QN-03 | 479184 | 2318057 | 10,60 |
| 355      |                                   | MC.VĐ.QN-04 | 479140 | 2317834 | 44,59 |
| 356      |                                   | MC.VĐ.QN-05 | 479100 | 2317729 | 44,33 |
| 357      |                                   | MC.VĐ.QN-06 | 479084 | 2317656 | 40,56 |
| 358      |                                   | MC.VĐ.QN-07 | 479084 | 2317614 | 36,56 |
| 359      |                                   | MC.VĐ.QN-08 | 479060 | 2317395 | 32,17 |
| 360      |                                   | MC.VĐ.QN-09 | 479062 | 2317258 | 30,03 |
| 361      |                                   | MC.VĐ.QN-10 | 479038 | 2317206 | 33,74 |
| 362      |                                   | MC.VĐ.QN-11 | 479035 | 2317130 | 20,65 |
| 363      |                                   | MC.VĐ.QN-12 | 479034 | 2317082 | 15,35 |
| 364      |                                   | MC.VĐ.QN-13 | 479033 | 2317047 | 12,20 |
| 365      |                                   | MC.VĐ.QN-14 | 479033 | 2317027 | 13,35 |
| 366      |                                   | MC.VĐ.QN-15 | 479032 | 2316998 | 25,24 |
| 367      |                                   | MC.VĐ.QN-16 | 479033 | 2316939 | 46,09 |
| 368      |                                   | MC.VĐ.QN-17 | 479040 | 2316877 | 59,03 |
| 369      |                                   | MC.VĐ.QN-18 | 479045 | 2316825 | 68,87 |
| 370      |                                   | MC.VĐ.QN-19 | 479060 | 2316819 | 57,19 |

|     |                           |             |        |         |        |
|-----|---------------------------|-------------|--------|---------|--------|
| 371 |                           | MC.VĐ.QN-20 | 479065 | 2316790 | 63,87  |
| 372 |                           | MC.VĐ.QN-21 | 479083 | 2316777 | 53,02  |
| 373 |                           | MC.VĐ.QN-22 | 479647 | 2316307 | 106,27 |
| 374 |                           | MC.VĐ.QN-23 | 479558 | 2316289 | 98,14  |
| 375 |                           | MC.VĐ.QN-24 | 479484 | 2316301 | 108,20 |
| 376 |                           | MC.VĐ.QN-25 | 479438 | 2316318 | 112,84 |
| 377 |                           | MC.VĐ.QN-26 | 479332 | 2316403 | 95,34  |
| 378 |                           | MC.VĐ.QN-27 | 479270 | 2316453 | 94,87  |
| 379 |                           | MC.VĐ.QN-28 | 479201 | 2316508 | 103,26 |
| 380 |                           | MC.VĐ.QN-29 | 479144 | 2316603 | 88,68  |
| 381 |                           | MC.VĐ.QN-30 | 479115 | 2316651 | 85,25  |
| 382 |                           | MC.VĐ.QN-31 | 479083 | 2316704 | 85,56  |
| 383 |                           | MC.VĐ.QN-32 | 479059 | 2316740 | 95,51  |
| 384 |                           | MC.VĐ.QN-33 | 479071 | 2316753 | 79,85  |
| 385 |                           | MC.VĐ.QN-34 | 479071 | 2316765 | 74,87  |
| 386 | <b>Xã Minh Châu (VĐ2)</b> | MC.VĐ.QN-35 | 479253 | 2318255 | 73,48  |
| 387 |                           | MC.VĐ.QN-36 | 478704 | 2317190 | 160,67 |
| 388 |                           | MC.VĐ.QN-37 | 478498 | 2317031 | 155,49 |
| 389 |                           | MC.VĐ.QN-38 | 478372 | 2316871 | 123,47 |
| 390 |                           | MC.VĐ.QN-39 | 478086 | 2316320 | 117,20 |
| 391 |                           | MC.VĐ.QN-40 | 477895 | 2316116 | 123,12 |
| 392 | <b>Xã Minh Châu (VĐ3)</b> | MC.VĐ.QN-41 | 478000 | 2315516 | 68,76  |
| 393 |                           | MC.VĐ.QN-42 | 477999 | 2315408 | 76,88  |
| 394 |                           | MC.VĐ.QN-43 | 478015 | 2315258 | 69,31  |
| 395 |                           | MC.VĐ.QN-44 | 477863 | 2314819 | 41,83  |
| 396 |                           | MC.VĐ.QN-45 | 477590 | 2314650 | 12,56  |
| 397 |                           | MC.VĐ.QN-46 | 477506 | 2314517 | 25,57  |
| 398 |                           | MC.VĐ.QN-47 | 477375 | 2314437 | 4,52   |
| 399 |                           | MC.VĐ.QN-48 | 477302 | 2314267 | 4,50   |
| 400 |                           | MC.VĐ.QN-49 | 477210 | 2314260 | 4,47   |
| 401 | <b>Xã Quan Lan (VĐ4)</b>  | QL.VĐ.QN-01 | 472491 | 2307530 | 9,53   |
| 402 |                           | QL.VĐ.QN-02 | 472564 | 2307788 | 6,89   |
| 403 |                           | QL.VĐ.QN-03 | 472805 | 2308070 | 8,73   |
| 404 |                           | QL.VĐ.QN-04 | 472843 | 2308131 | 8,80   |
| 405 |                           | QL.VĐ.QN-05 | 472868 | 2308188 | 6,87   |



|     |             |        |         |       |
|-----|-------------|--------|---------|-------|
| 406 | QL.VĐ.QN-06 | 472886 | 2308253 | 6,81  |
| 407 | QL.VĐ.QN-07 | 472974 | 2308867 | 7,71  |
| 408 | QL.VĐ.QN-08 | 472943 | 2309044 | 6,69  |
| 409 | QL.VĐ.QN-09 | 472579 | 2309415 | 9,32  |
| 410 | QL.VĐ.QN-10 | 471961 | 2309726 | 7,23  |
| 411 | QL.VĐ.QN-11 | 471299 | 2309945 | 5,63  |
| 412 | QL.VĐ.QN-12 | 471286 | 2309963 | 4,68  |
| 413 | QL.VĐ.QN-13 | 471289 | 2310194 | 10,87 |
| 414 | QL.VĐ.QN-14 | 471303 | 2310322 | 3,64  |
| 415 | QL.VĐ.QN-15 | 471317 | 2310350 | 6,76  |
| 416 | QL.VĐ.QN-16 | 471349 | 2310376 | 5,55  |
| 417 | QL.VĐ.QN-17 | 471403 | 2310386 | 4,64  |
| 418 | QL.VĐ.QN-18 | 473094 | 2309552 | 7,20  |
| 419 | QL.VĐ.QN-19 | 473619 | 2309647 | 9,19  |
| 420 | QL.VĐ.QN-20 | 474514 | 2309943 | 6,58  |
| 421 | QL.VĐ.QN-21 | 474610 | 2309926 | 4,54  |
| 422 | QL.VĐ.QN-22 | 474675 | 2309976 | 8,73  |

Ghi chú:

1. Số hiệu mốc bao gồm phần viết tắt theo địa danh hành chính (xã, huyện, tỉnh) và số thứ tự của mốc giới.

2. Chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển là khoảng cách được tính từ vị trí mốc giới hành lang bảo vệ ra đến đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm (ranh giới ngoài của hành lang bảo vệ bờ biển) theo phương vuông góc với đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm.